

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án Khu nhà ở Minh An tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An làm chủ đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 307/TTr-STNMT ngày 15/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án Khu nhà ở Minh An tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Điểm a Khoản 1 Điều 1: Từ “nhà ở xã hội: 2.607,3m²” thành “nhà ở thương mại: 2.607,3m²”.



2. Điều chỉnh Điểm a Khoản 2 Điều 1: Từ “Giao đất có thu tiền sử dụng đất với diện tích 256,6m² để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị (Nhà ở xã hội)” thành “Giao đất có thu tiền sử dụng đất với diện tích 256,6m² để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị (Nhà ở thương mại)”.


Điều 2. Các nội khác tại Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh không trái với Quyết định này, vẫn còn nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An và Thủ trưởng các ban ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- Website tỉnh;
- LĐVP (T, Th), Tn, TH;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

Hà Tiên

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 307 /TTr-STNMT

Bình Dương, ngày 15 tháng 9 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An điều chỉnh đất nhà ở xã hội sang đất nhà ở thương mại tại dự án Khu nhà ở Minh An tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐẾN Số: 28678
Ngày: 18/9/2023
huyện: ...
Số và ký hiệu HS: ...

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường được quy định tại Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh;

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An ngày 25/7/2023 về đề nghị điều chỉnh từ “đất nhà ở xã hội” sang “đất nhà ở thương mại” tại Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh đối với dự án Khu nhà ở Minh An, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh nội dung như sau:

- Dự án Khu nhà ở Minh An tại phường Tân Phước Khánh của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 2462/UBND-KTN ngày 28/5/2019 và Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 (thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư); được UBND thành phố Tân Uyên phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 với tổng diện tích 38.077,6m² (trong đó có 2.863,9m² đất nhà ở xã hội) và được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) với diện tích 29.993,6m² (bao gồm 2.863,9m² đất nhà ở xã hội nêu trên) tại Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021, thời hạn sử dụng đất đến ngày 26/11/2071. Căn cứ Quyết định cho phép chuyển mục đích, Công ty đã được cấp 18 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh nêu trên, về quỹ đất phát triển nhà ở xã hội cho phép Chủ đầu tư được lựa chọn hình thức nộp bằng tiền tương đương giá trị quỹ đất 20% theo giá đất mà chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước nhằm bổ sung vào ngân sách địa phương dành để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn. Trên cơ sở đó, UBND thành phố Tân Uyên đã ban hành Quyết định số 4472/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Minh An (trong đó đã điều chỉnh toàn bộ diện tích 2.863,9m² đất xây dựng nhà ở xã hội sang đất xây dựng nhà ở liên kế thương mại).

- Nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An đề nghị UBND tỉnh xem xét cho phép Công ty được điều chỉnh từ đất nhà ở xã hội sang đất nhà ở thương mại với diện tích 2.863,9m² theo quy hoạch điều chỉnh cục bộ đã được UBND thành phố Tân Uyên phê duyệt tại Quyết định số 4472/QĐ-UBND ngày

18/11/2021 và Quyết định chủ trương đầu tư số 157/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh.

*** Xuất phát từ tình hình thực tế trên và căn cứ các quy định:**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai,

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÌNH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An điều chỉnh diện tích 2.863,9m² từ đất nhà ở xã hội sang đất nhà ở thương mại tại dự án Khu nhà ở Minh An theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An chịu trách nhiệm:

- a) Nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).
- b) Quản lý dự án, đảm bảo dự án thực hiện đúng tiến độ.
- c) Đến Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. / *trm*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ, Tg3.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Xuân Ngọc

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) để thực hiện dự án Khu nhà ở Minh An tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Tân Uyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 328/TTr-STNMT ngày 19/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An được chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) với tổng diện tích 29.993,6m² để thực hiện dự án Khu nhà ở Minh An; cụ thể:

1. Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp với diện tích 29.572,6m², bao gồm:

a) Giao đất có thu tiền sử dụng đất với diện tích 10.735,7m² để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị; trong đó:

- Nhà ở thương mại: 8.128,4m².

- Nhà ở xã hội: 2.607,3m².



b) Giao đất không thu tiền sử dụng đất với diện tích 16.021,8m² để sử dụng vào các mục đích:

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (cây xanh): 929,5m².

- Đất giao thông (gồm: đường giao thông, hành lang an toàn đường bộ, hành lang kỹ thuật sau nhà): 15.088,3m².

- Đất công trình năng lượng (trạm điện): 4m².

c) Cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê với diện tích 2.815,1m² để sử dụng vào các mục đích:

- Đất thương mại, dịch vụ: 2.195,2m².

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 619,9m².

2. Chuyển mục đích sử dụng đất với hình thức đăng ký biến động đất đai từ đất ở tại đô thị sang đất phi nông nghiệp với diện tích 421m², với mục đích, hình thức sử dụng đất như sau:

a) Giao đất có thu tiền sử dụng đất với diện tích 256,6m² để sử dụng vào mục đích đất ở tại đô thị (Nhà ở xã hội).

b) Giao đất không thu tiền sử dụng đất với diện tích 164,4m² để sử dụng vào các mục đích:

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (cây xanh): 121m².

- Đất giao thông (hành lang kỹ thuật sau nhà): 43,4m².

3. Vị trí, địa điểm khu đất: Các thửa đất thuộc dự án Khu nhà ở Minh An tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên (theo Phụ lục đính kèm), theo số liệu lồng ghép quy hoạch chi tiết do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 19/5/2020.

4. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 26 / 11 / 2071.

5. Giá đất thực hiện nghĩa vụ tài chính: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An sau khi đơn vị hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Chính lý hồ sơ địa chính.

4. Xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa.

Điều 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức thi công xây dựng cơ sở hạ tầng dự án theo quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

3. Chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng đất đúng mục đích và ranh giới.

4. Đến Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

6. Chậm nhất 12 tháng sau khi ký Quyết định này và tiếp sau định kỳ 06 tháng, phải báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

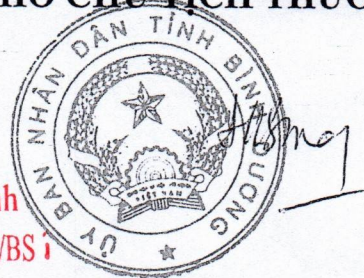
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh An và Thủ trưởng các ban ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. / ld

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP (Dg, Th), Tn, TH;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT. 6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Mai Hùng Dũng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực **03931-03** Quyền số SCT/BS
Ngày **22/07/2022** tháng năm

Phó Chủ tịch UBND phường Chánh Nghĩa



Nguyễn Văn Tân

PHỤ LỤC

THUYẾT MINH DIỆN TÍCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT (ĐỢT 1) KHU NHÀ Ở MINH AN
TẠI PHƯỜNG TÂN PHƯỚC KHÁNH, THỊ XÃ TÂN UYÊN
ĐO CÔNG TÁC CÓ PHẦN ĐẦU TƯ BẮT ĐỢNG SẢN MINH AN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Bình Dương)



STT	Tên lô	Thửa đất cũ	Thửa đất mới	Diện tích (m ²)	Tổng diện tích lô (m ²)	Loại đất theo quy hoạch chi tiết	Loại đất theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT	Loại đất cũ theo GCN	Ghi chú
1	LK-A	1p239	1059	329,8	527,1	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
2	LK-A	238	1059	197,3		Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
3	LK-B	172	1061	43,6	443,6	Đất ở	Đất ở tại đô thị	CLN	
4		172	1062	202,2		Đất ở tại đô thị	CLN		
5	LK-C	173	1062	197,8	1.825,0	Đất ở	Đất ở tại đô thị	CLN	
6		174		308,6		Đất ở tại đô thị	HNK		
7		238		76,0		Đất ở tại đô thị	HNK		
8		142	1063	397,5		Đất ở tại đô thị	HNK		
9		137		111,4		Đất ở tại đô thị	HNK		
10		175		132,7		Đất ở tại đô thị	LUA		
11	174		88,0	Đất ở tại đô thị	HNK				
12	1p239	238	1064	93,2	1.833,9	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
13		142		283,5		Đất ở tại đô thị	HNK		
14		137		2,5		Đất ở tại đô thị	HNK		
15		137		44,2		Đất ở tại đô thị	HNK		
16		137	1065	958,8		Đất ở tại đô thị	HNK		
17	LK-D	93	1066	830,9	1.833,9	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
18		93		362,2		Đất ở tại đô thị	HNK		
19		137	1067	301,8	1.068	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
20		137		198,0		Đất ở tại đô thị	HNK		
21		237		466,0		Đất ở tại đô thị	HNK		
22	LK-E	237	1069	219,5	2.560,5	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
23		92		94,5		Đất ở tại đô thị	ODT		
24		91		364,2		Đất ở tại đô thị	HNK		
25		237		47,6		Đất ở tại đô thị	HNK		
26		92		114,1	1070	Đất ở	Đất ở tại đô thị	CLN	
27		92		162,1		Đất ở	Đất ở tại đô thị	ODT	
28		92							Nhà ở xã hội

STT	Tên lô	Thửa đất cũ	Tờ bản đồ	Thửa đất mới	Diện tích (m2)	Tổng diện tích lô (m2)	Loại đất theo quy hoạch chi tiết	Loại đất theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT	Loại đất cũ theo GCN	Ghi chú
29		92			142,5		Đất ở	Đất ở tại đô thị	CLN	
30		91			88,0		Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
31		240			164,6		Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
32		237			519,4		Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
33	LK-F	141		1071	169,2	1.670,0	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
34		91			6,8		Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
35		141		1072	6,0		Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
36		91			804,0		Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
37	LK-H	91		1073	303,4	303,4	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	Nhà ở xã hội
38	LK-K	91		1074	1.080,4	1.080,4	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
39	LK-G	91		1075	748,4	748,4	Đất ở	Đất ở tại đô thị	HNK	
40		93			74,2		Thương mại dịch vụ	Đất thương mại, dịch vụ	HNK	
41	DVTM	137		1076	439,2	2.195,2	Thương mại dịch vụ	Đất thương mại, dịch vụ	HNK	
42		92			1.681,8		Thương mại dịch vụ	Đất thương mại, dịch vụ	CLN	
43	Đất giáo dục	92		1077	619,9	619,9	Giáo dục	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	CLN	
44	Trạm điện 2	92		1079	4,0	4,0	Trạm điện	Đất công trình năng lượng công cộng	CLN	
45		172		1080	136,8		Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	CLN	
46		173		1080	133,0		Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	CLN	
47	CX-1	174		1080	274,5	577,8	Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	HNK	
48		142	14	1080	33,5		Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	HNK	
49	CX-2	92		1081	238,5	238,5	Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	CLN	
50		141			17,4		Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	HNK	
51	CX-3	138		1082	121,0	234,2	Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	ODT	
52		91			95,8		Cây xanh	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	HNK	
53		172		1085	51,1		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	CLN	
54		174			45,4		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	



STT	Tên thửa đất cũ	Tờ bản đồ	Thửa đất mới	Diện tích (m ²)	Tổng diện tích lô (m ²)	Loại đất theo quy hoạch chi tiết	Loại đất theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT	Loại đất cũ theo GCN	Ghi chú
55			1086	43,5	978,9	Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
56			1086	59,4		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
57			1087	6,4		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
58			1087	3,8		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
59			1088	8,4		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
60			1088	215,2		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
61			1090	48,0		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
62			1089	186,7		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	CLN	
63			1089	3,8		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	ODT	
64			1089	43,4		Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK	
65			1090	41,2	Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK		
66			1091	24,5	Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK		
67			1091	23,5	Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK		
68			1092	95,2	Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK		
69			1093	79,4	Hành lang kỹ thuật sau nhà	Đất giao thông	HNK		
70			1093	2.982,0	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
71			1093	1.767,2	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
72			1093	1.164,0	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
73			1093	4,9	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
74			1093	216,2	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
75			1093	555,5	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
76			1093	112,9	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
77			1093	848,9	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
78			1093	402,5	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
79			1093	271,6	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
80			1093	360,6	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
81			1093	41,0	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
82			1093	146,0	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
83			1093	418,2	Giao thông	Đất giao thông	HNK		
84			1093	218,3	Giao thông	Đất giao thông	LUA		
85			1093	22,2	Giao thông	Đất giao thông	CLN		
86			1093	9,6	Giao thông	Đất giao thông	CLN		
87			1093	143,2	Giao thông	Đất giao thông	CLN		
88			1093	215,1	Giao thông	Đất giao thông	CLN		
89			1093	556,3	Giao thông	Đất giao thông	HNK		

GT

14.152,8

STT	Tên lô	Thửa đất cũ	Tờ bản đồ	Thửa đất mới	Diện tích (m ²)	Tổng diện tích lô (m ²)	Loại đất theo quy hoạch chi tiết	Loại đất theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT	Loại đất cũ theo GCN	Ghi chú
90		137		1093	1.141,7		Giao thông	Đất giao thông	HNK	
91		93		1093	1.760,9		Giao thông	Đất giao thông	HNK	
92		237		1093	100,9		Giao thông	Đất giao thông	HNK	
93		92		1093	693,1		Giao thông	Đất giao thông	CLN	
TỔNG DIỆN TÍCH					29.993,6	29.993,6				